

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 11 - 2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Trân

Bà Phạm Kiều Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Quàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 38/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thu S**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 243 đường L, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Mạc Tiến T**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

HKTT: Xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện tại: 312-0062 I Hitachinaka-shi Ta 2306-01: Room 206 Japan.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Trần Quang Á** - Văn phòng luật sư **Quang Á**, thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị Trần Thị Thu S trình bày:**

Vào ngày 02/11/2011, chị kết hôn với anh **Mạc Tiến T**, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết

hôn ngày 02/11/2011. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nên không chung sống với nhau nữa. Anh, chị đã ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay.

Nhận thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị S khởi kiện ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau :

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Mạc Tiến T.
- Về con chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

** Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh Mạc Tiến T trình bày:*

Anh và chị Trần Thị Thu S kết hôn vào ngày 02/11/2011, chung sống với nhau đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ thời điểm mâu thuẫn cho đến nay. Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Thu S.
- Về con chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

*** Tại phiên tòa:** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị Thu S; các vấn đề khác do các bên không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thu S và anh Mạc Tiến T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị Thu S và anh Mạc Tiến T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn và được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/11/2011. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống nhưng thường xảy ra mâu thuẫn, không hòa hợp được, nên dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt; hiện tại chị S và anh T không còn chung sống với nhau. Chị S khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh T đã có văn bản đồng ý ly hôn với chị S .

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên trong nghị án Hội đồng xét xử thống nhất cho chị S được ly hôn với anh T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị S và anh T đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của Luật sư Trần Quang Á bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trần Thị Thu S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 37; Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thu S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thu S được ly hôn với anh Mạc Tiến T.

2. Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Thu S và anh Mạc Tiến T không có con chung, không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Thu S và anh Mạc Tiến T không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thu S nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp (do ông Trần Quang Á nộp thay) theo biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0005368 ngày 03/9/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày. Riêng anh Mạc Tiến T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung/.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Út Mẫn